

Lịch Sử Đức Phật Tổ Cô Đàm
Maha Thongkham Medhivong

THIÊN THỨ SÁU

ĐỘ BÀ GIA-DU ĐÀ-LA

-ooOoo-

Khi ấy bà Gia Du Đà La nghe tiếng dân chúng kêu gọi nhau ồn ào bà mới phán hỏi thị nữ rằng: Nay các con, vậy tiếng gì ồn ào náo động như thế.

- Tâu lệnh bà, đức Đông cung Thái tử Sĩ Đạt Ta đã về đến thành Ca Tỳ La Vệ và đang đi khất thực, nên dân chúng trông thấy lạ lùng như thế nên kêu gọi nhau đi xem Ngài.

Sự thật khi Ngài còn tại vì chỉ được đức vua nhường ngôi cho, nhưng kỳ thật đức vua cầm cả quyền hành phán đoán. Sở dĩ đức vua không trao quyền cho Thái tử vì Ngài sợ Thái tử chạm với đời sẽ trông thấy bề trái của đời đầy đau khổ mà xuất gia. Nên trong cung nội thường gọi là Thái tử.

Khi bà nghe Thái tử đi xin ăn thì bà lấy làm lạ và không tin như vậy, bà nghĩ rằng: Chắc ta nghe lầm, bà hỏi lại hai ba lần. Khi bà nghe rõ sự thật lấy làm đau lòng không bút mực nào tả hết. Bà khóc và than rằng: Khi Thái tử còn tại vì ngự trị thành này, Ngài ngự đi nơi nào đều ngự trên lưng Bạch tượng tiền hô hậu ủng, rõ ràng là oai vệ của một vị Đại vương. Nay Ngài cắt tóc cạo râu, mình đắp cà sa bằng vải thô, tay bung bát thì oai phong khi xưa đã mất, mà hiện còn lại chẳng là phong độ của con người hạ cấp (chị bọn Chiên đà la) phải tự mình đi xin ăn từng nhà, thật là khổ thân cho Ngài biết mấy. Hôm nay Ngài nghèo nàn đến độ không có một tác vải lành để che thân sao? Giờ đây thân hình Ngài còn đẹp đẽ như xưa, là còn ba mươi hai tướng quý và tám mươi tướng phụ nữa chẳng? Hay đã ra sao rồi? Thật Già Du Đà La là người phụ nữ bạc phước vô phân xấu xa ti tiện lắm, không còn có chút phước lành như xưa nữa, nên khiến cho chàng mất cả oai phong thuở nào mà trong khi ta còn trẻ đẹp như thế này. Vậy không biết do nơi nghiệp chướng thế nào đã tạo từ ngàn xưa khiến cho chàng không còn chút yêu thương mến tiếc ta. Đời sống của ta là một đời sống đau khổ hăng tham nuốt lệ lòng để không cho Phụ vương thấy khi Ngài tuổi đã về chiều. Vì đâu mà chàng không có chút tình thương Già Du Đà La này. Ngài dứt tình ra đi không hề đoái hoài tới nợ bỏ ta bỏ vợ giữa hoàng cung to lớn tư bề vắng vẻ, chàng không biết khi người vợ mà thiếu chồng là thiếu cả mọi việc mặc dù là ta đang ở lầu vàng điện ngọc. Nếu chàng không thương hại Già Du Đà La thì chàng cũng nên nghĩ thương cho Ra Hầu La là giọt máu của chàng.

Khi bà than khóc ấy là đang khi bà bới tóc chưa xong, nên một tay bà cầm tóc còn một tay bà nắm lấy tay Thái tử Ra Hầu La lật đật chạy đến cửa sổ để xem mặt đức Thế Tôn.

Bà trông thấy đức Thế Tôn huy hoàng rực rỡ bao quanh bởi sáu màu hào quang trông thật là đẹp. Ngài vẫn còn oai nghiêm hơn độ nào, với hăng hai muôn vị Thánh Tăng mình mặc cà sa vàng nghiêm chỉnh từ từ theo sau Ngài, thật không còn cảnh huy hoàng

trang nghiêm nào hơn. Bà tự bảo rằng: Ta chưa từng trông thấy đức Thái tử Sĩ Đạt Ta có một oai nghiêm như vậy bao giờ; mặc dù khi Ngài còn tại vì, trong những buổi lễ long trọng đã có quan quân lo sắp đặt trang nghiêm tề chỉnh. Bà liền kéo Thái tử Ra Hầu La đến bên chỉ cho Thái tử Ra Hầu La xem rồi bà ngâm lên tám (Tám câu kệ ấy gọi là Narasihagàthà) câu kệ ca tụng đức Thế Tôn khi còn tại thế rằng:

Đức Đông cung Thái tử có mớ tóc thật mềm như gòn rất mịn lại cuốn xoay về mé tay phải, tóc ấy thật đen và Ngài có cái trán thật đẹp, trán ấy trông vào tròn đẹp như mặt nhựt, mũi cao thẳng và vừa vắn đẹp như ngọc chuốt đặt vào, trông vào phưởng phất như chiếu hào quang. Chân của Ngài đỏ như thoa son và có chỉ như bánh xe và có hình một trăm lẻ tám loài thú rõ ràng và rất đẹp.

Ra Hầu La con ơi, người có tướng tốt đẹp oai nghiêm như vị Thiên vương ấy là Phụ vương của con đó. Ngài là một vị hoàng gia cao quý. Ngài có ba mươi hai tướng quý và tám mươi tướng phụ trong tam giới này không ai có. Ngài đã ngự đến, Ngài là người đem sự an vui hạnh phúc đến cho chúng sanh.

Hơn ấy nữa, màu da của Ngài sáng chiếu như ánh trăng rằm ai ai trông thấy cũng ưa mến. Tướng đi của Ngài oai nghiêm như sư tử ai trông thấy cũng nể vì. Tiếng nói đã thanh tao mà còn diệu ngọt, lưỡi và môi của Ngài đỏ như thoa son. Răng của Ngài màu trắng như màu sữa tươi và hàm trên hai chực cái hàm dưới hai chực cái, Ngài sanh vào dòng hoàng tộc cao thượng khiến cho người ai ai cũng kính nể mến thương. Ra Hầu La ơi; vị Sa môn đi giữa ấy chính là cha con vậy.

Khi bà báo cho Thái tử Ra Hầu La biết xong, bà lật đặt chạy bộ đến nơi ngự của đức vua và cho đức vua hay rằng: - Tàu Đại vương, hiện giờ Thái tử đang đi xin ăn trong thành, dân chúng reo la vang dội ấy.

Đức vua nghe bà tâu như vậy Ngài lấy làm đau khổ, tay ôm áo choàng, đầu chưa vấn khăn lật đặt chạy ra khỏi cung đến nơi đức Thế Tôn đang ngự đi khát thực và bạch với đức Thế Tôn rằng: Bạch đức Thế Tôn, Ngài làm cho trăm thiện với nhân dân. Tại sao Ngài đi khát thực? Có lẽ Ngài nghĩ rằng: Bây nhiêu vị Tỳ khuru đây trăm cúng dường không nổi chăng?

Đức Thế Tôn đáp: Tàu Đại vương; sự khát thực đây là phận sự của Như Lai.

- Bạch đức Thế Tôn, có phải chúng ta là dòng vua chăng? Đã gọi là dòng vua chúa không ai đi xin ăn cả.

- Tàu Đại vương, sự thật dòng vua là dòng của Đại vương. Còn Như Lai là dòng Phật. Tất cả chư Phật đều nuôi sống mạng bằng cách xin ăn (Quý hóa thay lời vàng ngọc của đức Từ Phụ, Ngài không phân giai cấp trong thời kỳ nặng về giai cấp). Tất cả chư Phật trong lúc quá khứ cũng đều hành hạnh này, đó là dòng Phật. Tàu Đại vương khi Như Lai sanh ra tại vườn Lumbini có ba mươi hai hiện tượng lạ vẫn còn rõ rệt trong tâm hồn của hoàng tộc, khi xuất gia hành khổ hạnh dưới cội Bồ đề, trên bảo tọa thẳng Ma vương lại đắc được quả Vô thượng Chánh Đẳng Chánh giác. Khi đắc được quả tối cao ấy thì dòng hoàng đế không còn trong thân hình của Như Lai nữa, vì Như Lai đã trở thành dòng khác là dòng Phật rồi.

Khi đang nói chuyện với đức vua là đang ở giữa đường và nhân dịp ấy đức Thế Tôn mới thuyết câu kệ rằng: UTTITTHE NAPPAMAYA... Nghĩa người không nên coi rẻ vật thực xin ăn, nên hành theo thiện pháp hằng được hưởng sự an vui.

Dứt câu kệ đức vua đắc quả Tu-đà-huờn. Đức Thế Tôn mới thuyết câu thứ nhì rằng: DHAMMACARESUCARANA... Nghĩa người nên hành theo thiện pháp cho trong sạch, nên hành theo thiện pháp cho chân chính thì sẽ được an vui trong kiếp hiện tại và ngày vị lai.

Khi ấy đức vua xin tiếp lấy bát của đức Thế Tôn và thỉnh chư Tăng vào hoàng cung thọ thực. Trong khi đức Thế Tôn thọ thực có đủ mọi người nào là Hoàng hậu Gotami nhưng vẫn thiếu bà Gia Du Đà La. Người trong cung cũng có cho bà hay rằng: Đức Thế Tôn thọ thực trong hoàng cung và mời bà đi nhưng bà bảo rằng: Các người hãy đến đánh lễ và hầu đức Phật đi, còn ta thì chừng nào Thái tử đến cung của ta, ta mới tiếp.

Đến ngày thứ nhì, đức Thế Tôn ngự đi khát thực trong hoàng cung. Sau khi thọ thực xong Ngài thuyết pháp cho bà Gotami nghe rằng: Người nào hành theo thiện pháp, không làm điều ác người ấy vẫn được an vui trong đời này và trong kiếp vị lai. Sau khi dứt câu kệ lệnh bà đắc quả Tu-đà-huờn, đức vua đắc Tư đà hàm quả.

Đến ngày thứ ba đức Thế Tôn cũng ngự vào hoàng cung đức vua cũng cúng dường đến đức Thế Tôn và chư Thánh Tăng.

Khi đức Thế Tôn đang thọ thực đức Tịnh Phạn Vương mới bạch rằng: Bạch đức Thế Tôn, trong khi đức Thế Tôn đang hành khô hạnh có một vị chư Thiên đến hoàng cung ngự trên không trung mà bảo trăm rằng: Hoàng tử không thọ thực cả sáu năm rồi, nên thân hình tiêu tụy như hoa sen xanh khô mà người liệng vào đồng lửa, hiện giờ đã chết ở cuối con đường kinh hành. Khi trăm nghe lời của vị chư Thiên ấy, trăm cảm thấy như người đem cây lao thật bén nhọn đâm vào tim trăm. Trăm liền báo vị chư Thiên ấy rằng: Trăm không bao giờ tin lời của ông, bao giờ Đông cung Thái tử của trăm chưa đắc được quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác thì chắc chắn không bao giờ chết. Vị chư Thiên ấy còn có thuyết phục trăm rằng: Thái tử chết thật rồi, vì Ngài quá khổ hạnh hơn tất cả những người bằng xương bằng thịt này có thể hành được. Trăm mới nghĩ rằng: Dầu cho mặt trời lặn trong khi đang đứng bóng chằng nữa chắc chắn con ta cũng không chết, nếu chưa đắc quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Đức Thế Tôn dạy rằng: Tâu Đại vương; không phải chỉ trong kiếp này mà Ngài không tin vị chư Thiên ấy, lúc quá khứ Như Lai còn là vị Bồ Tát, ông thầy của Như Lai là thầy Disapànokkha muốn thử lòng Đại vương đem xương dê đến báo Ngài rằng: Con của ông đã chết. Nhưng Ngài không tin lời ấy, và Ngài bảo rằng: Không phải xương của con tôi chắc là xương dê. Vậy thì làm sao Ngài có thể tin lời của vị chư Thiên ấy trong kiếp này được.

Sau khi dứt câu chuyện đức Tịnh Phạn Vương đắc A na hàm quả. Kế tiếp là lời cầu chúc của đức Thế Tôn sau khi cúng dường xong. Trong khi ấy có đủ mặt mọi người nhưng thiếu bà Gia Du Đà La. Đức Thế Tôn mới phán hỏi: Sao hôm nay cũng không thấy Công chúa Gia Du Đà La? (Đức Thế Tôn gọi Công chúa để tránh tiếng, nhưng sự thật bà cũng là con gái vua Thiện Giác).

Bà Gotami liền dạy phi tần đi thỉnh bà Gia Du Đà La đến lễ Phật. Khi cô phi tần đi, bà liền bạch với Phật rằng: Xin đức Thế Tôn mở lòng đại từ bi cứu độ dâu tôi. Vì dâu tôi là một hiền phụ ít có trong cõi đời này, khi đức Phật Thế Tôn đi xuất gia tới nay không ngày nào dâu tôi không than khóc vì thương nhớ chồng.

Cô phi tần lãnh lệnh đến thỉnh bà Gia Du Đà La đến cung bà trong khi bà đang than khóc, bà mặt bộ cả sa nhuộm dả (khi xưa người mặt đỏ nhuộm dả có ráp lại từng mảnh gọi là cả sa) lệnh bà thật đáng thương hại vì bà trông rất tiêu tụy như một nữ đạo sĩ đang hỏi tu khổ hạnh. Bà là người có tiếng là đẹp nhất trong bảy xứ dòng Thích Ca

trong thời kỳ ấy, mà hôm nay không còn lại được mấy điểm đẹp nào. Vì sự thương nhớ chồng và nguyện hành khổ hạnh theo chồng để chia bớt hay tỏ lòng bao giờ cũng hy sinh vì chồng cho chồng.

Khi ấy bà than khóc và kể lể đủ điều nào là đức Thế Tôn đã về đến thành mà không một tiếng hỏi thăm đến bà. Các cô phi tần không dám vào vì bà đang than khóc; phải đứng đợi thật lâu. Đến khi bà trông thấy cô phi tần đứng đó, bà không cần biết các cô ấy đến làm gì bà liền gọi đến và than rằng: Này các con ơi, ta lấy làm buồn rầu chán nản vì đức Thái tử đã được Giác ngộ rồi mà không có chút từ bi, không hề hỏi đến Gia Du Đà La một tiếng nào, chắc Gia Du Đà La là con người đê tiện xấu xa không xứng là người hiền nội trợ, nên không đáng cho Ngài thương hại. Nếu không nghĩ thương hại cho Gia Du Đà La thì cũng nên nhớ đến tình máu thịt là Thái tử Ra Hâu La. Thật đáng thương hại cho con ta là Ra Hâu La là đứa trẻ vô phúc nhất trần gian mồ côi cha từ khi mới chào đời. Ta có lỗi gì mà Ngài không hề đoái hoài đến; nữ dút bỏ ta như người nhỏ miếng nước bọt, Ngài xem ta như một cọng rác, một cành hoa không hương sắc mà đã khô héo rồi, chắc vì vậy mà Ngài nữ bỏ ta đi xuất gia; thật Ngài không có chút từ ái thương hại đến Gia Du Đà La này tí nào. Vậy ta là kẻ có lỗi gì đây? Khi Ngài là người chồng đáng quý mến kính yêu nhất đời ta, không có một hình bóng nào trong tâm ta ngoài ra Ngài, hình bóng ấy ngự trị trong tâm hồn ta, mà Ngài nữ ra đi. Kể từ giờ phút Ngài bước chân ra khỏi cung đến hôm nay ta không hề có một tí an vui nào, ta sống trong chuỗi ngày đầy đau khổ, lâu đài cung điện đối với ta là bãi tha ma, mặt nhợt, mặt nguyệt đối với ta như những đêm tối mịt, châu báu đối với ta không còn giá trị gì hết. Ta là người quả phụ sống với những ngày đau khổ, đời sống của ta không có ý vị gì ngoài ra sống để chịu khổ mà thôi, không có một ai kính nể ta như khi Thái tử còn tại vị, ta là người đàn bà bất hạnh nhất. Ta ví như chiếc long xa nhưng không có đức vua ngự, hoặc ví như xứ không vua, ta chỉ là một con vật sống để người đời khinh bỉ. Vậy đời sống của Gia Du Đà La này có ích gì, sống để chịu khổ dày vò cấu xé tâm tư; sống mà thiếu Thái tử bên ta là đời sống rỗng không, đời sống vô vị thà là uống thuốc độc chết còn hơn, nếu không vậy treo cổ hay nhảy vào lửa chết đi cho mất thân xác tâm hồn, chết đi còn hơn là sống với những sự đau khổ vì nhớ thương chồng.

Khi bà nói dứt lời, các cô phi tần nhân dịp ấy nên mới quì xuống bên bà và tâm rầu: Chúng con xin kính trình lên lệnh bà lời Hoàng hậu Gotami truyền cho chúng con đến đây thỉnh cầu và cho lệnh bà hay rằng: Hôm nay đức Đại Giác đã ngự về và thọ thực và đang ngự tại hoàng cung Ngài sẽ thuyết pháp để dứt tất lòng ưu phiền của lệnh bà từ bấy lâu nay.

Khi bà nghe các cô phi tần nói vậy càng than khóc nhiều hơn và bà hỏi rằng: Có phải các con vừa nói rằng: Lệnh mẫu hoàng có lệnh bảo ta đến gặp mặt chồng ta phải chăng?

- Tàu lệnh bà phải.

- Này các con, ta là người đàn bà xấu xa đê tiện, nhân căn ta đã mù lòa, những gì là sự thật đã mất hết rồi. Khi chồng ta chưa xuất gia thường hay ngự đến đây và ở đây với ta cả ngày đêm, không cần phải có một cô phi tần nào đến báo tin trước, hay là phải mời thỉnh Ngài mới ngự đến, tự Ngài thân hành đến và ở chơi nơi đây thật là vui vẻ và đầm ấm. Lắm lúc ta không kịp tiếp rước Ngài, thì Ngài rửa chân lầy, rồi tự ngự những vật thực mà ta đã sắp sẵn hầu Ngài. Tại sao hôm nay lại gọi Gia Du Đà La đi hầu Ngài một nơi khác. Ngươi hãy đi tàu lại với Ngài những lời của ta rằng: Gia Du Đà La là người đê tiện, nên Ngài mới bỏ xuất gia, nay về thăm phụ hoàng và mẫu hậu không ngự đến cung của Gia Du Đà La. Nếu sự ước muốn của ta không thành tựu mỹ mãn cũng bởi tại số kiếp của ta trong kiếp quá khứ, nên khiến đời này phải chịu đựng tất cả những tham sầu đau khổ mà người phụ nữ nào cũng rất sợ, sự khổ này ví như quả núi to đè trên quả tim bé nhỏ của ta. Thôi ta đành chịu vậy, đó chẳng qua số mạng ta mà ra, ta cũng không oán trách chi ai, ta cố rán chịu lấy một mình vì nó là duyên nghiệp chẳng lành của ta, ta

cố gắng ngăn không cho tâm nghĩ đến mọi sự việc, ta đã nuốt cạn không biết bao nhiêu lệ lòng. Hôm nay là ngày cùng giờ tận của đời ta. Tất cả những quyền thuộc ai cũng biết khổ của ta và đồng thông cảm nỗi khổ lòng này mà thương hại ta. Này các con, các con hãy trở về tàu với hoàng mẫu rằng: Gia Du Đà La xin hết lòng thành kính làm lễ mẫu hoàng, ta biết rằng: Chồng ta đã về đến thành Ca Tỳ La Vệ đã ba ngày rồi, nhưng không chút lòng nào đoái tương đến Gia Du Đà La. Đến hôm nay cũng chẳng hề quan tâm đến kẻ hèn mọn này. Khi mà Ngài ngự ra khỏi hoàng cung thì cũng là lúc linh hồn của Gia Du Đà La không còn trong thế xác này. Ta đã cố sống để gặp chồng ta bao nhiêu năm nay rồi, chắc chắn là ta sẽ bỏ cõi đời ô trọc này ngày hôm nay vậy. Kể từ khi ta nghe chồng ta xuất gia sáu năm mới đắc quả vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Trong sáu năm ấy ta ở tại hoàng cung nhưng ta cũng khổ hạnh như chồng ta. Ta bỏ cả căn đai châu ngọc gấm vóc lụa là, mặc vải bố, đẹp cả những gì xa hoa trang lệ, không biết trang điểm là gì, không hề liếc qua bọn ca nhạc múa hát, nhìn ăn bớt ngủ; ý ta là muốn tỏ ra lòng chia sẻ sự khổ hạnh của chồng ta; mà cũng là lo góp sức bồi đắp ngôi vị Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Nếu chồng ta không đến cung ta hôm nay, thì ta không còn sống trong cõi đời này nữa, ta xin vĩnh biệt các người. Các con hãy về và kể hết những gì mà ta đã kể lễ cho các con nghe đây.

Khi các cô ấy về thuật lại những lời kể lễ của bà Gia Du Đà La cho Hoàng hậu Gotami nghe trước mặt đức Thế Tôn.

Khi đức Tịnh Phạn Vương nghe lời thuật lại của các phi tần; đức vua mới thuật lại những đức hạnh cao cả của dâu Ngài nào là khi nghe đức Thế Tôn xuất gia bà cũng bỏ cả việc điểm trang, nhìn ăn, không nằm nơi sang đẹp, không bao giờ xem ca hát dự hội họp nào cả, như là không ngày nào bà không than khóc, mặt dâu buồn khổ như vậy nhưng không có một lời trách móc Ngài, hoặc tỏ ra lòng hờn giận nhắc tới chuyện gì, bà tự trách là không đủ đức hạnh tài sắc để cột chân chồng mà thôi. Khi kể lễ dài dòng xong đức vua mới bạch Phật rằng: Bạch Đức Thế Tôn, Ngài là đáng chiến thắng Ngũ ma, là đáng đại Từ Bi, xin Ngài hoan hỉ ngự đến cung dâu quý đáng thương hại của trăm là Gia Du Đà La, dâu trăm chịu nhiều khổ sở vì thương nhớ chồng từ bao năm, chắc chắn sẽ ngự đến cung để yên an. Nếu vì buồn giận mà dâu trăm tự sát thì cháu nội yêu quý của trăm chắc cũng chẳng còn. Nếu cháu nội của trăm mà chết thì trăm không thể nào sống được, vì lòng thương nhớ con cháu. Cầu xin đức Thế Tôn từ bi cứu độ dâu trăm.

Đức Phật phán: Đại vương phán rất phải. Nếu hôm nay mà không ngự đến cung của Gia Du Đà La thì nàng sẽ vì bực tức tủi hổ mà chết. Hơn nữa thân mẫu của Ra Hâu La rất có nhiều ân đức với Như Lai kể từ trăm ngàn kiếp trước đến kiếp hiện tại này, kiếp nào Như Lai hành hạnh đại thí là bố thí vợ, con, những người hiền nội trợ trong kiếp ấy là Gia Du Đà La cả, Gia Du Đà La đối với ta có một niềm thương yêu vô cùng tận, đối với ngôi vị Chánh đẳng Chánh giác lại càng có một tấm lòng thành kính và sạch trong, vì vậy nên nàng sẵn lòng hy sinh đời mình để ta bố thí, để làm một viên đá lót đường cho ta đi tìm quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Mặc dầu ta đem nàng ra bố thí như một món vật, nhưng không bao giờ nàng biết buồn phiền than trách hay oán hận ta bao giờ, kể từ ngày ta hành Ba la mật đến bờ cao thượng đến thành đạo; Gia Du Đà La đã giúp ta không ít trên con đường giác ngộ như hôm nay. Thật là nàng rất có công ơn riêng đối với cá nhân ta và cũng cho nhân loại nữa; thật công đức ấy khó mà có vật chi sánh bằng được. Người mà hy sinh cho ta đạt thành quả vị tối cao, để làm đường cho ta đi tìm đạo để tế độ chúng sanh khỏi vòng luân hồi khổ, như vậy có chi sánh bằng. Nếu Như Lai không tế độ nàng thì có ai tế độ nàng.

Đức Tịnh Phạn Vương bạch Phật rằng: Bạch hóa đức Thế Tôn, đây là dịp thuận tiện để đức Thế Tôn ngự đến cung của dâu trăm tế độ nàng khỏi phiền muộn. Nàng sẽ có dịp trông thấy tôn nhan và đánh lễ Ngài.

Phàm một vị đại Bồ Tát hay đức Chánh giác trong tâm luôn luôn có lòng đại Từ bi không khi nào quên ơn của người đã hằng trăm ngàn kiếp hy sinh bản thân mình làm vật bỏ thí được, nhưng sờ sờ mà Ngài chưa ngự về độ bà Gia Du Đà La là Ngài biết rằng: Phải đợi có thời cơ thuận tiện, và điều quan trọng như là chưa đúng vào ngày mà bà Gia Du Đà La đắc được Thánh quả, nên Ngài không ngự về thôi. Ngài biết rằng: Lòng thương yêu kính mến chồng của bà vô lượng, khi Ngài về đến thành ngự đến thăm hỏi liền thì làm cho bà vui mừng nghĩ đến chồng hơn là một bậc Chánh đẳng Chánh giác vì vậy không thể đắc quả được. Khi Ngài không ngự về làm cho bà có cảm tưởng là Ngài không còn nghĩ tới, vì vậy lòng thương mến giảm đi thay vào lòng buồn, khi gặp lại Phật. Bà tỏ vẻ thương kính chẳng nữa cũng một phần ít thôi, và nhờ ấy lòng bà không còn mến tiếc trong vật chất nhiều, bà sẽ nghe pháp và thành đạo được dễ dàng.

Khi ấy đức Thế Tôn đứng dậy trao bát cho đức vua. Ngài dạy hai muôn vị Đại Đức ở lại nơi thọ thực, Ngài ngự vào cung của bà Gia Du Đà La với hai vị đại đệ tử. Ngài phán với hai Ngài ấy rằng: Thân mẫu của Ra Hâu La là người có đặc ân lớn đối với Như Lai. Nếu nàng có ôm lấy chân Như Lai than van khóc lóc, hai vị chẳng nên cầm cán, hãy để cho nàng đổ cạn nỗi khổ lòng và rót hết giọt lệ ưu sầu còn dư xót, nếu ta ngăn cản nàng thì làm cho nàng uất ức nàng không thể thính pháp được. Nếu nàng chết đi thì ta mất một dịp may để trả công ơn của nàng đã giúp ta nên quả vị, trên ấy nữa Như Lai là đấng hoàn toàn giác ngộ không còn phiền não thì không bao giờ rung động trước mọi sự việc trong vòng luân hồi nữa.

Sau khi nói xong đức Thế Tôn dùng thần thông làm sáu màu hào quang của Ngài càn rỡ chiếu sáng vào cung của bà Gia Du Đà La, để bà trông thấy hào quang ấy mà trong sạch với Phật bảo phát tâm kính thành. Rồi Ngài cùng hai vị đại đệ tử ngự thẳng vào cung và ngự trên bảo tọa mà luôn luôn bà chuẩn bị sẵn, như khi đức Thế Tôn còn là Thái tử ấy là kỷ niệm của bà những nơi thường ngồi của Thái tử, bà giữ như thờ nào.

Phi tần thấy đức Thế Tôn ngự đến và đang ngự ngay trên bảo tọa, nên lật đặt vào báo cho bà biết rằng: Tàu lệnh bà, hiện giờ Hoàng tử đã ngự về cung và Ngài đang ngự trên bảo tọa mà Ngài thường ngự ngày xưa.

Khi bà nghe phi tần cho như vậy, bà cảm thấy tâm bà nhẹ hẳn, như người đã lấy vật nặng ra khỏi tim; tâm hồn bà trở nên bình tĩnh và thợt thới, sự đau khổ mấy năm đã mất, dền vào ấy một niềm hân hoan vô cùng tận, nước mắt của bà khô như có người lau, bà lật đặt chải tóc cho nghiêm chỉnh mặc cả sa vào. (Vị từ ngày đức Thế Tôn xuất gia bà cũng bỏ cả the lụa cân đai mặc vải nhuộm dả, khi xưa người mặc vải nhuộm dả gọi là mặc cả sa, vì màu này là màu để cho người xuất gia, tiếng cả sa âm từ Phạn ngữ là Kásava có nghĩa là vải nhuộm dả). Bà lật đặt nắm lấy tay Thái tử Ra Hâu La dẫn ra để đánh lễ Phật, khi bà đến cửa phòng, thấy đức Thế Tôn ngự trên bảo tọa mình mặc cả sa, bà không còn cảm lòng được, hai hàng lệ tuôn rơi, lệ làm mờ cả bóng hình đức Thế Tôn, bà liền than rằng: Lệ ơi, người đã đổ nhiều rồi mà chưa cạn sao? Nay người còn tuôn ra làm gì làm lu mờ mất hình bóng của người chồng thân yêu của ta, làm trở ngại không để ta trông thấy rõ ràng hình dạng của người mà ta đã mất đi đến tám năm dài đấng đấng, không biết nghiệp duyên gì mà hôm nay gặp lại người, mà người lại cũng tuôn ra che án mắt hình bóng người.

Khi bà cố gắng hết sức mới ngăn được đôi giòng lệ, bà liền quì xuống và bò ra từ phòng bà tới nơi Phật đang ngự, cúi xuống đánh lễ Ngài khóc và than rằng: Gia Du Đà La là người có tội nặng nề, là người phụ nữ đê tiện xấu xa, vì vậy nên Thái tử dứt tình đoạn nghĩa đi xuất gia không hề mến thương, mà cũng chẳng hề báo cho Gia Du Đà La biết rằng: đã phạm tội gì, Ngài cố tình để bỏ Gia Du Đà La cũng như người nhỏ bỏ nước bọt không hề tiếc mà còn góm ghê nữa. Ngài bỏ ra đi giữa đêm trường tịch mịch xuất gia tầm đạo. Nếu Gia Du Đà La là người có tội thì cũng còn con Ngài là Ra Hâu

La mới sanh trong ngày ấy là đứa bé vô tội. Vậy Ra Hầu La có tội tình gì mà Thái tử cũng nỡ đoạn tình phụ tử để cho Ra Hầu La trở nên đứa bé đáng thương hại là mồ côi cha khi mới chào đời.

Khi Gia Du Đà La còn là vị Công chúa có thầy tướng số xem tướng và đoán rằng: Công chúa là người đại phước đáng là vị Hoàng hậu của vua Chuyển Luân Thánh Vương. Nay rõ ra lời đoán của nhóm thầy tướng số ấy đều sai, trái ngược lại nên đoán như vậy mới đúng là: Gia Du Đà La là vị Công chúa vô phước nhất trong các hạng phụ nữ, bà là người góa phụ khổ đau vì bị chồng bỏ trong khi còn trẻ trung đời còn đầy nhựa sống.

Hơn nữa lệnh Mẫu hậu Gotami khi thấy Thái tử ngự đi chơi về lệnh bà có ca tụng câu kệ rằng: Người phụ nữ nào được làm vợ của Thái tử là người phụ nữ hữu phước được dục tất lửa phiền, lời này cũng sai nốt. Vì Gia Du Đà La là người chịu nhiều đau khổ nhất trần gian.

Khi nói xong bà liền ôm chầm lấy chân của đức Thế Tôn rồi xổ tóc ra chùi lấy những hạt bụi trên chân Ngài.

Đức Tịnh Phạn Vương nhân dịp ấy ca tụng công đức của bà và bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn, tất cả hàng phụ nữ trong tam giới này chỉ có dâu trăm là người đáng có tên là Hiền thực thể, là người phụ nữ biết thờ chồng trọn đạo. Kể từ Ngài xuất gia hành khổ hạnh dâu trăm cũng khổ hạnh bỏ cả mọi vật gì gọi là xa xỉ vui chơi, trong bốn oai nghi đều thay đổi nghĩa là không hề biết vui vẻ cười đùa như khi Ngài còn tại cung. Dâu trăm trông thấy nơi thường ngự của Ngài là khóc vì đó là kỷ ức xấu xa trong đời của dâu trăm. Nói tóm lại là khi nghe Ngài hành hạnh khổ thế nào thì dâu trăm cũng hành theo thế ấy. Trong khi ấy ai cũng nhận thấy rằng: Dâu trăm không phải vợ của một vị Thái tử hay một bà Công chúa mà cũng vẫn còn kém hơn một phi tần một tỷ nữ trong cung, và ai ai cũng nhận thấy dâu trăm là một NỮ ĐẠO SĨ đang hành khổ hạnh. Thật là một phạm hạnh đáng khen, đáng quý, một người phụ nữ trọn dạ thờ chồng, hy sinh cho chồng, không còn có mùi phú quý hạnh phúc nào lai chuyển được tâm lòng son sắt ấy.

Đức Thế Tôn mới thuyết rằng: Tâu Đại vương, không phải chỉ có kiếp này mà Gia Du Đà La kính thờ và thủ tiết cùng hy sinh cho Như Lai như thế, mặc dầu khi xưa có kiếp sanh làm cầm thú mà cũng vẫn một lòng son sắt hy sinh cho ta, vì ta không bị lời cám dỗ miếng mồi phú quý mà bỏ ta. Chỉ cô yêu cầu nhà vua thả ta.

Sau ấy đức Thế Tôn thuyết pháp độ những người có mặt tại nơi ấy lệnh bà Gia Du Đà La đắc Tu-đà-huòn quả, và rất nhiều hoàng thân đắc được Dự lưu (Tu-đà-huòn).

Sau khi dứt thời pháp đức Thế Tôn ngự về chùa Nigrodha.

-ooOoo-

[Trang trước](#) | [Đầu trang](#) | [Mục lục](#) | [Trang kế](#)

Chân thành cảm ơn Đại đức Giác Đồng đã gửi tặng phiên bản điện tử (Bình Anson, 04-2001)

[\[Trở về trang Thư Mục\]](#)

update: 25-04-2001